

Điệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2972 /UBND-KT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 8 năm 2018

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Thông tư quy định quản lý và
sử dụng kinh phí thực hiện chế
độ, chính sách đối với người cai
nghiện ma túy tự nguyện

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 9969/BTC-HCSN ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về góp ý dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện (văn bản điện tử đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các đơn vị có liên quan khẩn trương nghiên cứu, dự thảo văn bản của UBND tỉnh để kịp thời tham gia ý kiến dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Công văn nêu trên theo thời gian quy định (gửi kèm file văn bản dự thảo về địa chỉ mail: hoangdiep.ubt@gmail.com)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

@ĐiệpKT

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **9969/BTC-HCSN**

Hà Nội, ngày **17** tháng **8** năm 2018

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện

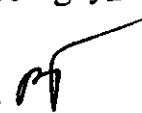
UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số: 4390A
	Ngày: 21/8/18
Chuyển:	

Kính gửi:

- Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Công an;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

Đề nghị quý Bộ, cơ quan cho ý kiến tham gia bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên và gửi về Bộ Tài chính trước ngày **28** tháng 8 năm 2018 để tổng hợp, hoàn thiện Thông tư.

Xin cảm ơn sự hợp tác của quý Bộ, cơ quan./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ: NSNN, PC, I, VPB;
- Cục TH-TK (để đăng Website);
- Lưu: VT, HCSN.(80b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Số: /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện
chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện**

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008 (sau đây viết tắt là Luật phòng, chống ma túy);

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và ngoài công lập (sau đây viết tắt là các cơ sở cai nghiện ma túy) theo quy định của Luật phòng, chống ma túy; Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết Luật; trừ các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thỏa thuận về nội dung và mức chi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trong thời gian thực hiện thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020 bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm.

3. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.

Chương II

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 4. Mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể danh mục thuốc do ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Chi hỗ trợ chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường

a) Đối tượng hỗ trợ

- Thương binh (bao gồm cả người hưởng chính sách như thương binh) theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- Người thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn hộ nghèo trong từng thời kỳ, đối với giai đoạn 2016-2020 là người thuộc hộ nghèo thu nhập;

- Người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa theo tiêu chí do địa phương xác định căn cứ điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Trẻ em mồ côi;

- Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng theo quy định của Luật Người khuyết tật;

b) Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 95%, gồm:

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ: Theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định.

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này;

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12

năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (bao gồm cả các cơ sở đa chức năng có cai nghiện tự nguyện).

4. Chế độ lao động trị liệu

Người cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo quy định của cơ sở cai nghiện ma túy công lập về chế độ lao động. Trường hợp phát sinh doanh thu từ lao động của người cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện thanh toán tiền công đối với học viên lao động tự nguyện. Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

5. Trường hợp người nghiện ma túy đến cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện của địa phương khác, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người nghiện cư trú thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người cai nghiện ma túy tự nguyện các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này theo mức do địa phương quy định. Phân chênh lệch (nếu có) giữa mức hỗ trợ của địa phương và mức thu của cơ sở cai nghiện ma túy do đối tượng tự chi trả.

Điều 5. Thí điểm hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập

1. Giai đoạn 2018-2020 thực hiện thí điểm hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện theo Điều 4 Thông tư này tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm: Sơn La, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ.

2. Mức hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập thí điểm bằng mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1, 2 và Khoản 3 Điều 4 Thông tư này đối với cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn cơ sở ngoài công lập tham gia thí điểm, thực hiện ký kết hợp đồng chi trả kinh phí hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở.

Điều 6. Các khoản đóng góp

1. Ngoài các khoản ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện công lập và ngoài công lập phải đóng góp các khoản chi phí khác bao gồm: sinh hoạt văn nghệ, thể thao; học văn hóa, học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu), điện, nước, vệ sinh, khấu hao, hao mòn tài sản cố định, chi phí phục vụ, quản lý và các khoản chi phí hợp lý khác.

2. Mức đóng góp tại khoản 1 Điều này do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các cơ sở cai nghiện ma túy công

lập. Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập tự quyết định các khoản đóng góp trên cơ sở đảm bảo đủ chi phí hoạt động.

Chương III **CHẾ ĐỘ CAI NGHIỆN MA TUÝ TỰ NGUYỆN TẠI** **GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

Điều 7. Nội dung mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Chi lập hồ sơ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi hỗ trợ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác thẩm tra, xét duyệt hồ sơ; điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: Văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy tập trung tại cộng đồng: 100.000 đồng/người/ngày;

c) Chi hỗ trợ cán bộ quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy tập trung tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/ngày;

d) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy

- 50.000 đồng/người cai nghiện ma túy/buổi tư vấn;

- 70.000 đồng/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên)/buổi tư vấn;

đ) Chi hỗ trợ cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: Mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình cấp có thẩm quyền (theo phân cấp của địa phương) xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma túy tại cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

3. Chi phí vận chuyển người nghiện ma túy từ nơi cư trú của người nghiện ma túy đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có): Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo

số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê.

Điều 8. Các khoản đóng góp

1. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được hỗ trợ một số khoản theo quy định tại Điều 9 Thông tư này), gồm:

- a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn;
- b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện;
- c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn;
- d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có).

2. Mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định mức đóng góp theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

Điều 9. Chế độ hỗ trợ

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần thực hiện cai nghiện tự nguyện.

2. Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

LẬP, PHÂN BỐ, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 10. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy định chi tiết Luật.

2. Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập trong thời gian thực hiện thí điểm từ năm 2018-2020 như sau:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập lập kế hoạch cai nghiện ma túy và nhu cầu kinh phí hỗ trợ cai nghiện ma túy cho các đối tượng theo mức quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

b) Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này và dự kiến số lượng đối tượng người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập tại địa phương lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng với các cơ sở cai nghiện ngoài công lập và thực hiện thanh lý hợp đồng trên cơ sở các căn cứ sau:

- Biểu tổng hợp danh sách, kinh phí hỗ trợ có chữ ký hoặc dấu tay điểm chỉ của đối tượng được hỗ trợ theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Đối chiếu các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ cho đối tượng (cơ sở ngoài công lập trực tiếp lưu trữ theo quy định hiện hành).

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018. Chế độ hỗ trợ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 (ngày Nghị định số 80/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

2. Các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với cai nghiện ma túy tự nguyện gia đình, cộng đồng và Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội quy định tại Điều 1, khoản 1 và khoản 3 Điều 2, điểm b khoản 3 Điều 3 Chương I, Chương IV và Chương V Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Sở LĐTĐBXH, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (450 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

TÊN CƠ SỞ

Phụ lục

**TỔNG HỢP DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓI VỚI
NGƯỜI CẢI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TÚY NGOÀI CÔNG LẬP
TRONG THỜI GIAN THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Tổng số	Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần	Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế	Chi tiền thuốc điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường	Tiền ăn	Quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân	Tiền vệ sinh phụ nữ	Hỗ trợ chỗ ở	Ghi chú
A	B	1=2+...8	2	3	4	5	6	7	8	9
	<u>Tổng số</u>									
	Họ và tên người nghiện ma túy									
1	Nguyễn Văn A									
2	Lê Thị B									
3										

Cột ghi chú ghi rõ số ngày từng người nghiện ma túy thực tế lưu trú tại cơ sở